TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-01-2025
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp
2. Ông Hà Ứng Cương

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Như Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 441/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Kim L, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Ph, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp Ph, xã M, huyện C, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trịnh Thị Kim L trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1999, chị Trịnh Thị Kim L và anh Nguyễn Quốc H quen biết và chung sống vợ chồng nhưng không đăng kí kết hôn theo quy định pháp luật.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm và hạnh phúc, chị Lđã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lyêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chị Lvà anh H có 02 con chung tên Nguyễn Thuận Quỳnh Nh, sinh năm 2000 và Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 22-10-2008. Cháu Nguyễn Thuận Quỳnh Nh đã thành niên, chị Lyêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc H1, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lxác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc H trình bày tại Tòa án: Anh H thống nhất với lời trình bày của chị Lvề hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về con chung; về tài sản chung và nợ chung không có là đúng.

Nay chị Lxin ly hôn, anh H cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Cháu Nguyễn Thuận Quỳnh Nh đã trưởng thành, anh H đồng ý giao cháu Nguyễn Quốc H1 cho chị Ltrực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Quốc H có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 13-12-2024 chị Trịnh Thị Kim L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Quốc H. Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Anh Nguyễn Quốc H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trịnh Thị Kim L và anh Nguyễn Quốc H chung sống với nhau vào năm 1999 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Do đó, không công nhận chị Trịnh Thị Kim L và anh Nguyễn Quốc H là vợ chồng là phù hợp pháp luật

[3] *Về nuôi con chung:* Chị Lvà anh H có 02 con chung tên Nguyễn Thuận Quỳnh Nh, sinh năm 2000 và Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 22-10-2008. Cháu Nguyễn Thuận Quỳnh Nh đã thành niên, chị Lvà anh H thống nhất thỏa thuận giao cháu Nguyễn Quốc H1 cho chị Ltrực tiếp nuôi dưỡng (Phù hợp với nguyện vọng của cháu H1), chị Lkhông yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ điều kiện kinh tế nuôi con được. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận nuôi con chung giữa chị Lvà anh H. Chị Lkhông yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Lvà anh H đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị Llà nguyên đơn trong vụ án, do đó chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trịnh Thị Kim L và anh Danh H.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Thuận Quỳnh Nh, sinh năm 2000 nay đã thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Trịnh Thị Kim L và anh Nguyễn Quốc H về việc giao cháu Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 22-10-2008 cho chị Ltrực tiếp

nuôi dưỡng, chị Lkhông yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Quốc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trịnh Thị Kim L và anh Nguyễn Quốc H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng nhưng chị Lđược khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010377 ngày 16-12-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Lkhông phải nộp thêm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

5. Quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị Kim L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Quốc H vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Xuân